

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 05/2022/DS-ST
Ngày 10-02-2022
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Hồng Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Chí Linh
2. Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Bằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu My– Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2021/QĐXX-ST ngày 18 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Ngọc H**, sinh năm 1959. ĐKKHKT: E, khóm D, phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Nhà không số, hẻm N, khóm M, phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Bà **Lê Thị A**, sinh năm 1954. Địa chỉ: Số A1, hẻm N, khóm M, phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- NLQ1 sinh năm 1974. ĐKKHKT: Số A2, hẻm N, khóm M, phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Số A3, đường C, khóm V, phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- NLQ2 sinh năm 1989. Địa chỉ: Số A1, hẻm N, khóm M, phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà Ngọc H có mặt, bà A, NLQ1 và NLQ2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2021, các lời trình bày trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Phạm Thị Ngọc H trình bày:

Bà Phạm Thị Ngọc H với bà NLQ1 có mối quan hệ thân thiết và là hàng xóm của nhau. Vào ngày 02/8/2012, NLQ1 có mời bà Ngọc H sang nhà chơi, khi bà Ngọc H đến nhà bà Hồng H thì có gặp mặt bà Lê Thị A đã ở đây từ trước, lúc này NLQ1 giới thiệu “*Chị A là người làm ăn đàng hoàng lắm em cũng hay cho chị ấy vay đến cuối vụ làm rẫy thu hoạch xong là thanh toán sòng phẳng cấp này em kẹt vốn nên chị cho chị A vay 20.000.000 đồng đi em bảo lãnh cho chứ chị gửi ngân hàng lãi suất thấp lắm*” do tin tưởng NLQ1 nên bà Ngọc H đã rút 20.000.000 đồng từ ngân hàng về cho bà A mượn. Khi giao tiền thì A có viết biên nhận đề ngày 2/8/2012 giao cho Ngọc H, đáng lẽ biên nhận này NLQ1 phải ký tên người bảo lãnh nhưng chồng NLQ1 là Nguyễn Lạc H2 nói là ký làm chứng cũng được rồi nên NLQ1 ký làm chứng ở phía dưới biên nhận. Khi vay thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, thỏa thuận hết mùa rẫy (khoảng 6 tháng sau) thì bà A trả. Bà Ngọc H giao tiền cho bà A tại nhà NLQ1 vào ngày 02/8/2012 dương lịch.

Sau khi nhận tiền thì đến nay bà A có trả được cho bà Ngọc H khoảng 2.000.000 đồng tiền lãi và tiền từ NLQ2 là con gái của bà A trả thay cho bà A là 1.000.000 đồng, chưa nhận số tiền vốn nào.

Nay bà Phạm Thị Ngọc H yêu cầu bà Lê Thị A trả số tiền vốn vay là 20.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 02/8/2012 đến khi Tòa án giải quyết vụ án với lãi suất 2%/tháng, đồng ý đối trừ số tiền lãi đã trả là 3.000.000 đồng. Trong trường hợp bà A không trả nợ cho bà H thì bà H yêu cầu NLQ1 trả nợ thay, bà Ngọc H xác định bà NLQ1 bảo lãnh nợ của bà A chứ không phải làm chứng, vì bà A nợ tiền NLQ1 nên NLQ1 nói cho bà Ngọc H tin từ đó bà Ngọc H mới cho bà A vay số tiền 20.000.000 đồng để trả nợ cho NLQ1, NLQ1 là có người có lợi trong vụ việc này; không có yêu cầu gì đối với chị Trần Thị Minh T, không có yêu cầu gì khác.

Theo bị đơn bà Lê Thị A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp, phiên hòa giải nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận ý kiến được.

Theo Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp, phiên hòa giải nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận ý kiến được.

Tại các lời trình bày trong giai đoạn tố tụng tại Tòa, NLQ2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Chị là con ruột của bị đơn bà Lê Thị A, đối với bà Ngọc H và NLQ1 là có quen biết vì là hàng xóm của nhau. Vào khoảng tháng 4/2021, khi mẹ chị là bà Lê Thị A nhận được thông báo của Tòa án về việc bà Phạm Thị Ngọc H khởi kiện đến Tòa án, yêu cầu mẹ chị trả số tiền 20.000.000 đồng thì mẹ chị có điện thoại nói cho chị nghe về vấn đề này. Mẹ chị nói có nợ tiền của dì Hiền là bà Ngọc H số tiền 20.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 02/8/2012 nên kêu chị thay mặt mẹ đến Tòa án để thương lượng với dì

H. Sau đó chị có đến Tòa án tại đây chị với bà Ngọc H có thỏa thuận được với nhau theo đúng nội dung “Biên bản thỏa thuận trả nợ” đề ngày 08/4/2021 mà bà Ngọc H đã nộp cho Tòa. Tuy nhiên sau đó, NLQ2 chỉ trả được cho bà H 1.000.000 đồng vào ngày 01 tháng 5 năm 2021, do tình hình dịch bệnh nên NLQ2 không có khả năng trả nợ theo đúng thỏa thuận cho bà H, lúc này NLQ2 có đến nhà của bà H nói là bà H nhận 1.000.000 đồng này là để trả tiền lãi, đến khi nào hết dịch, NLQ2 đi làm được thì NLQ2 sẽ tiếp tục trả tiền cho bà H theo thỏa thuận nhưng bà H không chấp nhận mà khởi kiện ra Tòa án lần 2. Sau khi vay tiền bà H thì mẹ chị có trả tiền lãi cho bà H nhưng số tiền cụ thể bao nhiêu thì chị không biết và do thời gian quá lâu nên cũng không xác định được. Đối với số tiền 1.000.000 đồng chị đã trả cho bà H thì chị đã đồng ý trả nợ thay cho mẹ nên đồng ý đối trừ số tiền 1.000.000 đồng này vào số tiền bà A nợ bà H. Trước đây chị có yêu cầu trả thay cho bà A do mẹ đã lớn tuổi, không có sức khỏe làm ra tiền nhưng nay bà H yêu cầu bà H trả nợ nên chị cũng đồng ý để bà H phải có trách nhiệm trả nợ cho bà H. Chị không có trách nhiệm trả nợ cho bà H, không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa:

Bà Phạm Thị Ngọc H vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu bà Lê Thị A trả số tiền vốn vay là 20.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 02/8/2012 đến khi Tòa án giải quyết vụ án với lãi suất 2%/tháng với số tiền là 45.706.667 đồng, đồng ý đối trừ số tiền lãi đã trả là 3.000.000 đồng. Trong trường hợp bà A không trả nợ cho bà H thì bà H yêu cầu NLQ1 trả nợ thay; không có yêu cầu gì đối với NLQ1.

Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và không yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc bị đơn bà Lê Thị A có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ là 55.088.889 đồng (trong đó nợ gốc là 20.000.000 đồng, nợ lãi là 35.088.889 đồng); không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi là 7.617.778 đồng và yêu cầu NLQ1 phải trả nợ thay trong trường hợp bà Lê Thị A không trả được nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn có yêu cầu bị đơn là bà Lê Thị A trả nợ vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn bà Hải có nơi cư trú tại khóm M, phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, ngày cuối cùng trả tiền lãi là ngày 01/5/2021 và đến ngày 10/5/2021 nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu nên căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 là còn thời hiệu khởi kiện do đó Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Giao dịch giữa bà H và bà A được xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực tuy nhiên hình thức và nội dung phù hợp với Bộ luật Dân sự năm 2015 và hiện đang được thực hiện nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị ngọc H yêu cầu bà Lê Thị A trả số tiền vốn vay là 20.000.000 đồng. Thấy rằng: Bị đơn không có ý kiến trình bày về yêu cầu này tuy nhiên xét nội dung biên nhận đề ngày 02/8/2012 thể hiện: *“Tôi tên: Lê Thị A ngụ A, khóm M phường L, .Bạc Liêu có mượn của cô Phạm Thị Ngọc H với số tiền (Hai mươi triệu) 20.000.000đ hẹn sẽ trả sau Bạc Liêu 2-8-2012 Lê Thị A ký tên Người làm chứng ký tên”* là phù hợp với Biên bản xác minh đề ngày 26/5/2021 về việc bà Lê Thị H đứng là có địa chỉ tại số A1, khóm M, phường T, thành phố B; đồng thời phù hợp với nội dung lời khai của NLQ2 là con gái của bà A và nội dung bản tự khai đề ngày 08/4/2021 của NLQ1 về việc bà A có vay của bà H số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 02/8/2012. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Vào ngày 02/8/2021, bà Lê Thị A có vay của bà Phạm Thị Ngọc H số tiền vốn vay là 20.000.000 đồng.

[4] Về quá trình thanh toán thấy rằng: Do bị đơn không có ý kiến trình bày, tuy nhiên căn cứ lời khai của NLQ2 là con gái của bị đơn thể hiện trước đây bà A có trả tiền lãi cho nguyên đơn còn số tiền vốn thì chưa trả khoản tiền nào là phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn về việc bị đơn chưa trả được số tiền vốn vay nào cho nguyên đơn. Vì vậy, có cơ sở xác định bị đơn chưa trả số tiền vốn nào cho nguyên đơn. Đối với tiền lãi đã trả thì mặc dù bị đơn không xác định được lãi suất và số tiền lãi đã trả nhưng phía nguyên đơn thừa nhận có nhận từ bị đơn số tiền lãi là 2.000.000 đồng và thừa nhận nhận từ NLQ2 số tiền 1.000.000 đồng và đồng ý đối trừ nên Hội đồng xét xử chấp nhận về số tiền lãi mà phía bị đơn đã trả cho nguyên đơn tính đến ngày 01/5/2021 là 3.000.000 đồng.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi tính từ ngày 02/8/2012 với lãi suất là 2%/tháng trên số tiền vốn là 20.000.000 đồng đến ngày Tòa án xét xử với số tiền cụ thể là 45.706.667 đồng; thấy rằng: Căn cứ nội dung biên nhận đề ngày 2/8/2012 không thể hiện lãi suất; tại Bản tự khai đề ngày 08/4/2021 của NLQ1 cũng thể hiện không biết lãi suất bao nhiêu tuy nhiên nguyên đơn xác định là có lãi suất 2%/tháng và bị đơn không có ý kiến nhưng NLQ2 là con gái của bị đơn cũng thừa nhận bị đơn có trả tiền lãi cho nguyên đơn nhưng lãi suất bao nhiêu thì không biết nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định

hợp đồng vay số tiền 20.000.000 đồng giữa nguyên đơn và bị đơn là có lãi suất, hiện nay giữa nguyên đơn và bị đơn không có tranh chấp về lãi suất với nhau nên căn cứ xác định lãi suất của hợp đồng vay giữa nguyên đơn và bị đơn là 2%/tháng. Do lãi suất thỏa thuận vượt quá mức quy định nên căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 Hội đồng xét xử điều chỉnh lại lãi suất của khoản vay này là 20%/năm, cụ thể như sau:

Tính từ ngày vay là ngày 02/8/2012 đến ngày Toà án xét xử (ngày 10/02/2022) là 09 năm 06 tháng 08 ngày x 20%/năm x 20.000.000 đồng = 38.088.889 đồng. Đối trừ số tiền lãi đã thanh toán là 3.000.000 đồng nên số tiền lãi phải trả thêm là 35.088.889 đồng.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc trong trường hợp bà A không trả được nợ thì bà H yêu cầu bà NLQ1 trả nợ thay, thấy rằng: Nội dung biên nhận đề ngày 02/8/2012 chỉ thể hiện người làm chứng và chữ ký, mặc dù quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 không có ý kiến trình bày nhưng tại bản tự khai đề ngày 08/4/2021 của NLQ1 cũng thể hiện NLQ1 xác định bà chỉ là người làm chứng chứ không có bảo lãnh cho bị đơn, nguyên đơn không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[7] Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[8] Về án phí: Bà Phạm Thị Ngọc H không được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên phải chịu án phí. Tuy nhiên, bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bà H được miễn toàn bộ án phí phải nộp. Bà Lê Thị A có trách nhiệm trả cho bà Hiền tổng số tiền nợ là 55.088.889 đồng nên phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 2.754.444 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 91; khoản 2 Điều 71; khoản 3 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 357, 429, 463, 466, 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc H đối với bà Lê Thị A. Buộc bà Lê Thị A có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Ngọc H

tổng số tiền nợ vay là 55.088.889 đồng (*năm mươi lăm triệu không trăm tám mươi tám ngàn tám trăm tám mươi chín đồng*), trong đó nợ gốc là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) và tiền lãi là 35.088.889 đồng (*ba mươi lăm triệu không trăm tám mươi tám ngàn tám trăm tám mươi chín đồng*).

2/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc H đối với bà Lê Thị A về việc yêu cầu bà A trả số tiền lãi là 7.617.778 đồng (*bảy triệu sáu trăm mười bảy ngàn bảy trăm bảy mươi tám đồng*).

3/. Không chấp yêu cầu của bà Phạm Thị Ngọc H về việc trong trường hợp bà Lê Thị A không trả nợ cho bà Phạm Thị Ngọc H thì yêu cầu NLQ1 trả nợ thay cho bà Lê Thị A.

4/. Về án phí: Bà Lê Thị A phải chịu là 2.754.444 đồng (*hai triệu bảy trăm năm mươi bốn ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng*). Bà Phạm Thị Ngọc H không phải chịu án phí.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tp. Bạc Liêu;
- CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Hồng Trinh